

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	710.902.000	919.650.622	822.684.000	-96.966.622	89,5
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	117.910.000	148.316.389	124.860.000	-23.456.389	84,2
-	Thu NSDP hưởng 100%	104.812.000	141.963.695	111.122.000	-30.841.695	78,3
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	13.098.000	6.352.694	13.738.000	7.385.306	216,3
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	577.992.000	638.042.000	697.824.000	59.782.000	109,4
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	474.846.000	473.898.868	672.602.000	198.703.132	141,9
2	Thu bổ sung có mục tiêu	103.146.000	164.143.132	25.222.000	-138.921.132	15,4
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		1.173.806		-1.173.806	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		117.118.426		-117.118.426	
VI	Thu chuyển nguồn CCTL từ năm trước chuyển sang	15.000.000	15.000.000		-15.000.000	
VII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên cấp trên				0	
B	TỔNG CHI NSDP	710.902.000	748.245.620	822.684.000	74.438.380	109,9
I	Tổng chi cân đối NSDP	603.346.120	658.079.937	791.681.000	133.601.063	120,3
1	Chi đầu tư phát triển (1)	20.750.000	17.498.946	19.020.000	1.521.054	108,7
2	Chi thường xuyên	570.441.000	640.580.991	756.549.000	115.968.009	118,1
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách	12.155.120		16.112.000	3.956.880	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Tăng thu NS không bao gồm thu từ đất - DK giao khi phát sinh số thu (không bao gồm 2% trích dự phòng)	4.409.880		5.781.000	5.781.000	
1	Trích 70% thực hiện CCTL	3.150.000		4.200.000		
2	Số thu chưa giao chi tiết	1.259.880		1.581.000		
III	Chi các chương trình mục tiêu	103.146.000	90.165.682	25.222.000	-64.943.682	28,0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	103.037.000	90.077.467	25.222.000	-64.855.467	28,0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
	- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	88.489.000	78.007.927	23.408.000	-54.599.927	30,0072067
	+ <i>Vốn đầu tư</i>	54.985.000	53.171.927	23.408.000	-29.763.927	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>	33.504.000	24.836.000		-24.836.000	
	- Chi chương trình MTQG giảm nghèo	12.255.000	6.911.000	-	-6.911.000	0,00
	+ <i>Vốn đầu tư</i>				-	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>	12.255.000	6.911.000	-	-6.911.000	
	- Chương trình MTQG xây dựng NTM	2.293.000	5.158.540	1.814.000	-3.344.540	35,16
	+ <i>Vốn đầu tư</i>	1.923.000	4.010.540	1.511.000	-2.499.540	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>	370.000	1.148.000	303.000	-845.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu	109.000	88.215	-	(88.215)	-
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêm

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	160.542.500	148.316.389	136.000.000	124.860.000	84,7	84,2
I	Thu nội địa	160.000.000	147.773.889	136.000.000	124.860.000	85,0	84,5
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	68.226	30.835	60.000	60.000	87,9	194,6
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	297	297				
	- Thuế GTGT						
	- Thuế TNDN	297	297				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	134.504.449	134.504.449	101.500.000	101.500.000	75,5	75,5
	- Thuế GTGT	49.500.000	49.500.000	47.000.000	47.000.000	94,9	94,9
	- Thuế TNDN	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	100,0	100,0
	- Thuế Tài nguyên	78.000.000	78.000.000	47.500.000	47.500.000	60,9	60,9
	- Thuế TTĐB	4.449	4.449	-	-		
5	Thuế thu nhập cá nhân	840.000	840.000	1.350.000	1.350.000	160,7	160,7
6	Thuế bảo vệ môi trường	-		-			
7	Lệ phí trước bạ	4.000.000	4.000.000	4.500.000	4.500.000	112,5	112,5
8	Thu phí, lệ phí	1.211.000	1.080.000	1.200.000	1.200.000	99,1	111,1
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	34.449	34.449	12.000	12.000		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.030.000	2.030.000	2.500.000	2.500.000	123,2	123,2
12	Thu tiền sử dụng đất	2.984.326	346.433	10.500.000	9.450.000	351,8	2727,8
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	12.000	12.000				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	10.820.134	3.545.426	10.300.000	3.210.000	95,2	90,5
16	Thu khác ngân sách	3.495.119	1.350.000	4.078.000	1.078.000	116,7	79,9
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
21	Các khoản thu tại xã						
II	Thu các khoản huy động, đóng góp	542.500	542.500				
III	Thu từ dầu thô						
IV	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						

CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêm

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	710.902.000	822.684.000	111.782.000	115,7
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	607.756.000	797.462.000	189.706.000	131,2
I	Chi đầu tư phát triển (1)	20.750.000	19.020.000	-1.730.000	91,7
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.750.000	19.020.000	-1.730.000	91,7
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.010.000	6.300.000	-1.710.000	78,7
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			-	
-	Chi đầu tư XDCBTT	12.740.000	12.720.000	-20.000	99,8
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên. Trong đó:	570.441.000	756.549.000	186.108.000	132,6
I	Chi giáo dục - đào tạo	365.688.000	453.629.280	87.941.280	124,0
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			-	
V	Dự phòng ngân sách	12.155.120	16.112.000	3.956.880	132,6
	- Dự phòng Ngân sách huyện	10.344.120	13.650.000	3.305.880	132,0
	- Dự phòng Ngân sách xã	1.811.000	2.462.000	651.000	135,9
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
VII	Tăng thu NS không bao gồm thu từ đất - DK giao khi phát sinh số thu (không bao gồm 2% trích dự phòng ngân sách huyện)	4.409.880	5.781.000	1.371.120	
1	70% Thực hiện CCTL	3.150.000	4.200.000		
2	Số thu chưa giao chi tiết	1.259.880	1.581.000		
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	103.146.000	25.222.000	(77.924.000)	24,5
I	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và Miền núi	88.489.000	23.408.000	(65.081.000)	26,5
-	Vốn đầu tư	54.985.000	23.408.000	(31.577.000)	
-	Vốn sự nghiệp	33.504.000	-	(33.504.000)	
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	12.255.000	-	(12.255.000)	-

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Dự toán năm 2025	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Vốn đầu tư	-	-	-	
-	Vốn sự nghiệp	12.255.000	-	(12.255.000)	
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	2.293.000	1.814.000	(479.000)	79,1
-	Vốn đầu tư	1.923.000	1.511.000	(412.000)	
-	Vốn sự nghiệp	370.000	303.000	(67.000)	
IV	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp (Vốn SN)	109.000	-	(109.000)	-
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêm